



TÀI LIỆU ÔN THI THPT QUỐC GIA THE SUBJUNCTIVE MOOD - THỨC GIẢ ĐỊNH

Subjunctive Mood (thức giả định) là cách dùng động từ để diễn tả những gì trái với thực tế hoặc chưa thực hiện, những gì còn nằm trong tiềm thức người ta. Câu giả định hay còn gọi là câu cầu khiến là loại câu đối tượng thứ nhất muốn đối tượng thứ hai làm một việc gì. Câu giả định có tính chất cầu khiến chứ không mang tính ép buộc như câu mệnh lệnh. Trong câu giả định, người ta dùng dạng nguyên thể không có *to* của các động từ sau một số động từ chính mang tính cầu khiến. Thường có *that* trong câu giả định trừ một số trường hợp đặc biệt.

1. Câu giả định dùng **would rather** và **that**

- Would rather Verb than Verb. (bản thân ai đó muốn làm gì ở HT / TL)

- Would rather have - Verb P2. (bản thân ai đó muốn làm gì ở QK)

1.1 Diễn tả sự việc ở hiện tại (present subjunctive):

Là loại câu người thứ nhất muốn người thứ hai làm việc gì (nhưng làm hay không còn phụ thuộc vào người thứ hai). Trong trường hợp này động từ ở mệnh đề hai để ở dạng nguyên thể bỏ *to*. Nếu muốn thành lập thể phủ định đặt *not* trước nguyên thể bỏ *to*.

S1 + would rather that + S2 + [verb in simple form] ...

I would rather that you call me tomorrow.

He would rather that I not take this train.

1.2 Diễn tả sự việc đối lập với thực tế ở hiện tại

Động từ sau chủ ngữ hai sẽ chia ở simple past, *to be* phải chia là *were* ở tất cả các ngôi.

S1 + would rather that + S2 + [verb in simple past tense] ...

Henry would rather that his girlfriend worked in the same department as he does.

(His girlfriend does not work in the same department)

Jane would rather that it were winter now. (Infact, it is not winter now)

Nếu muốn thành lập thể phủ định dùng *didn't* + verb hoặc *were not* sau chủ ngữ hai.

Henry would rather that his girlfriend didn't work in the same department as he does.

Jane would rather that it were not winter now.

1.3. Diễn tả sự việc trái ngược với thực tế ở quá khứ

Động từ sau chủ ngữ hai sẽ chia ở dạng past perfect. Nếu muốn thành lập thể phủ định dùng *hadn't* + P2.

S1 + would rather that + S2 + past perfect ...

Bob would rather that Jill had gone to class yesterday.

(Jill did not go to class yesterday)

Bill would rather that his wife hadn't divorced him.

2. Câu giả định dùng với các động từ trong bảng dưới đây

Advise	Demand đòi hỏi, yêu sách	Prefer	Require đòi hỏi
Ask	Insist khẳng khẳng đòi	Propose đề nghị	Stipulate đặt ĐK
Command (ra lệnh)	Move	Recommend đề nghị	Suggest gợi ý
Decree	Order	Request yêu cầu	Urge thúc giục

- Trong câu nhất định phải có **that**.
- Động từ sau chủ ngữ 2 ở dạng nguyên thể bỏ **to**.

Subject1 + verb + **that** + subject 2+ [verb in simple form]

Nếu bỏ **that** đi thì chủ ngữ 2 sẽ biến thành tân ngữ, động từ trở về dạng nguyên thể có **to** và câu mất tính chất giả định trở thành dạng mệnh lệnh thức gián tiếp.

Ví dụ:

The doctor suggested **that** Tom stop smoking. (Bác sĩ đề nghị Tom bỏ hút thuốc lá.)

I demand **that** I be allowed to be free now. (Tôi yêu cầu là tôi phải được trả tự do bây giờ.)

We recommend **that** he go with us. (Chúng tôi đề nghị là anh ta phải đi với chúng tôi.)

Chúng ta cũng có thể dùng subjunctive equivalent trong cấu trúc trên bằng "should + infinitive".

The doctor suggested **that** Tom should stop smoking.

I demand **that** I should be allowed to be free now.

Lưu ý

Trong tiếng Anh của người Anh (*British English*), trước động từ ở mệnh đề 2 (nguyên thể bỏ **to**) thường có *should*. Nhưng trong tiếng Anh của người Mỹ (*American English*) người ta bỏ nó đi.

Một số ví dụ

The judge insisted that the jury return a verdict immediately.

The university requires that all its students take this course.

We proposed that he take a vacation.

I move that we adjourn until this afternoon.

3. Câu giả định dùng với tính từ

Các tính từ dùng trong câu giả định gồm các tính từ trong bảng dưới đây.

Advised	Necessary/ Essential	Re recommended	Urgent
Important	Obligatory	Required	imperative
Mandatory	Proposed	Suggested	Vital

Trong công thức sau, *adjective* chỉ định một trong các tính từ có trong bảng trên.

It + be + adjective + that + subject + [verb in simple form].

Lưu ý: Nếu muốn cấu tạo phủ định đặt **not** sau chủ ngữ 2 trước nguyên thể bỏ **to**.



-Nếu bỏ that đi thì chủ ngữ 2 sẽ biến thành tân ngữ sau giới từ for, động từ trở về dạng nguyên thể có to và câu mất tính chất giả định trở thành dạng mệnh lệnh thức gián tiếp.

Một số ví dụ:

It is necessary that he find the books.

It is necessary for him not to find the books.

It has been proposed that we change the topic.

It is important that you remember this question.

Trong một số trường hợp có thể dùng danh từ tương ứng với các tính từ ở trên theo công thức sau.

It + be + noun + that + subject + [verb in simple form]...

Ví dụ: It is a recommendation from a doctor that the patient stop smoking.

4 Dùng với một số trường hợp khác

- Câu giả định còn dùng được trong một số câu cảm thán, thường bao hàm các thể lực siêu nhiên.

Ví dụ: - God save the queen!. Chúa phù hộ cho nữ hoàng.

- God be with you! = good bye (khi chia tay nhau)

- Curse this frog!: chết tiệt con cóc này

- Dùng với một số thành ngữ:

- Come what may: dù có chuyện gì đi nữa.

Ví dụ: Come what may we will stand by you.

- If need be : nếu cần

Ví dụ: If need be we can take another road.

- Dùng với *if this be* trong trường hợp muốn nêu ra một giả định từ phía người nói nhưng không thật chắc chắn lắm về khả năng.

Ví dụ: If this be proven right, you would be considered innocent.

5. Câu giả định dùng với it is time

It is time (for smb) to do smth : đã đến lúc phải làm gì. (thời gian vừa vặn, không đưa ra giả định)

Ví dụ: It is time for me to get to the airport (just in time).

Nhưng:

It is time

It is high time **subject + simple past** (đã đến lúc – giả định thời gian đến trễ một chút)

It is about time

Ví dụ: It's high time I left for the airport. (it is a little bit late) **Nhận xét:** *High/ about* được dùng trước *time* để thêm vào ý nhấn mạnh.

6. Thức giả định với wish: "Wish" sentence :

A. Wish + to do/ wish somebody something/wish somebody to do something.



I wish to pass the entrance exam.
I wish you happy birthday.
I wish you to become a good teacher.

Chú ý: trong trường hợp này, chúng ta có thể thay thế “wish” bằng “want” hoặc “would like”

I would like/want to speak to Ann.

B. Wish (that)+ subject + past tense: thể hiện sự nuối tiếc trong hiện tại, điều không có thật ở hiện tại

I wish I knew his address. (thật ra tôi không biết địa chỉ của anh ta)
I wish I had a car.
I wish I were rich

Chú ý: trong câu “wish” không có thật ở hiện tại, dùng “were” nếu là động từ tobe cho tất cả các ngôi.

C. Wish (that) + subject + past perfect: thể hiện sự tiếc nuối trong quá khứ

I wish I hadn't spent so much money. (sự thực là tôi đã tiêu rất nhiều tiền)
I wish I had seen the film last night. (sự thực là tôi không xem phim tối qua)

D. A + wish (that) + B + would do something: phàn nàn hoặc muốn thay đổi tình huống hiện tại (A, B là hai người khác nhau)

I wish they would stop making noise.
I wish it would stop raining hard in summer.

7. “If only” sentence: giá như.....

A. If only + present tense/future tense: diễn tả hi vọng trong tương lai

If only he comes in time = we hope he will come in time
If only he will listen to her = we hope he will be willing to listen to her

B. If only + simple past: diễn đạt hành động không có thật ở hiện tại

If only there were snow in summer. We could go skiing.
If only he would join our party.

C. If only + past perfect: diễn đạt hành động không có thật ở quá khứ

If only the Bush government hadn't spread war in Irak, million people there wouldn't have been killed.

D. If onlywould do....= person A wish person B would do something

You are driving too dangerously. If only you would drive slowly
= I wish you would drive slowly

8. “As if/as though” sentence

A. As if/as though + simple past: diễn đạt hành động không có thật ở hiện tại

It's very cold today. It looks as if/as though it were autumn now. (thực ra bây giờ đang là mùa hè)

B. As if/as though + past perfect: diễn đạt hành động không có thật ở quá khứ

The whole were seriously damaged. It looks as if it had been destroyed by bombs. (thực ra đó là do động đất)

C. As if/as though + present tense: diễn đạt hành động có thật



He appears running from a fierce dog.
 → It looks as if he is running from a fierce dog.

Bài tập 1: Chia động từ trong ngoặc theo đúng thời.

1. He suggested that I _____ ready by eight o'clock. (to be)
2. We request that she _____ the window. (to open)
3. They recommended that he _____ to Bermuda. (to fly)
4. The request that we _____ ready to leave at six is a nuisance. (to be)
5. The recommendation that she _____ a holiday was carried out. (to take)
6. It is necessary that you _____ able to come with us. (to be)
7. I wish it (not rain)heavily last Sunday.
8. It is important that he _____ everything he can. (to learn)
9. The demand that she _____ the report has been carried out. (to complete)
10. I wish I (know)something about computers.
11. I wish the traffic (not make)so much noise everyday.
12. It's high time the children (prepare)their lesson. They are watching TV now.
13. If only it (be) warm and sunny today. I'm fed up with snow and cold.
14. Everybody was exhausted. It looked as if they (work) hard.
15. I'd rather my teacher (give) fewer compositions tonight.
16. My neighbors always treat us as if we (be)their servants.
17. Nick is quite ready for the exam. It looks as if he (prepare) everything.

Exercise 2 : choose the best answer :

1. It's important that he _____ to take her medicine twice a day
 A remember B remembering C to remember D Remembered
2. I suggest that John _____ the directions carefully before assembling the bicycle. He doesn't want the wheels to fall off while he is riding down a hill.
 A Reading B To read C Read D Have read
3. Mrs. Mary demanded that the heater _____ immediately. Her apartment was freezing.
 A repaired B be repaired C repair D repairing
4. It's vital that the United States _____ on improving its public education system. What we do now will affect our country for generations to come.
 A focuses B focus C focusing D To focus
5. The monk insisted that the tourists _____ the temple until they had removed their shoes.
 A not entering B not to enter C not enter D entered
6. I am not going to sit here and let her insult me. I demand that she immediately _____ for what she just said.
 A apologize B apologizing C to apologize D apologized



7. Tom asked that we _____ her graduation ceremony next week.

A attended B to attend C attend D attending

8. Was it really necessary that I _____ there watching you the entire time you were rehearsing for the play? It was really boring watching you repeat the scenes over and over again.

A sits B am sitting C be sitting D To sit

9. It is important to remember that Henry _____ very differently from you. She may not agree to the changes you have made in the organization of the company

A think B to think C thinks D thinking

10. It's a little difficult to find the restaurant. I propose that we all _____ together so that nobody gets lost along the way. A is driving B drive C to drive D driven

Exercise 3: Rewrite the sentences without changing the meaning :

1. He appears to be running away from your fierce dog.

It looks.....

2. I would love to be rich and famous.

If only.....

3. I'd love to be in a secluded beach in Mexico.

I wish.....

4. I really think you ought to acquire a few manners.

It's high time.....

5. I'm really sorry I didn't invite her to the party.

I really wish I.....

6. Would you mind not smoking here?

I'd rather.....

7. Please don't say things like that.

I wish.....

ĐÁP ÁN

Bài 1:

1. He suggested that I _____ be _____ ready by eight o'clock. (to be)

2. We request that she _____ open _____ the window. (to open)

3. They demanded that he _____ leave _____ the room. (to leave)

4. I will ask that she _____ accompany _____ me. (to accompany)

5. They recommended that he _____ fly _____ to Bermuda. (to fly)

6. The request that we _____ be _____ ready to leave at six is a nuisance. (to be)

7. The recommendation that she _____ take _____ a holiday was carried out. (to take)

8. It is necessary that you _____ be _____ able to come with us. (to be)

9. They asked that we _____ remain _____ standing. (to remain)



10. The requirement that he ____ find ____ work will be hard to meet. (to find)
11. It is important that he ____ learn ____ everything he can. (to learn)
12. The demand that she ____ complete ____ the report has been carried out. (to complete)
13. knew
14. wouldn't make
15. were preparing
16. were
17. had been working
18. gave
19. were
20. has prepared
21. hadn't rained
22. are having

Bài 2

1. It's important that he _____ to take her medicine twice a day

A remember B remembering
C to remember D Remembered

Đáp án A

Dịch: việc anh ấy nhớ uống thuốc 2 lần một ngày là rất quan trọng.

Ta có cấu trúc: It's+ adj+ that+S+V(Vnguyên thể)

2. I suggest that John _____ the directions carefully before assembling the bicycle.
He doesn't want the wheels to fall off while he is riding down a hill.

A Reading B To read
C Read D Have read

Đáp án C

Dịch: Tôi khuyên John đọc các hướng dẫn một cách cẩn thận trước khi lắp ráp xe đạp. Anh ta không muốn các bánh xe hỏng trong khi đang lái xe xuống núi.

Ta có S1+ suggest (order, recommend...)+that+ S2+(not)V(nguyên thể)

Mang nghĩa khuyên ai làm gì.

3. Mrs. Mary demanded that the heater _____ immediately. Her apartment was freezing.

A repaired B be repaired
C repair D repairing

Đáp án B

Dịch: bà Mary yêu cầu lò sưởi phải được sửa ngay lập tức. căn hộ của bà ấy đang bị đóng băng lại.

Câu này tương tự với câu thứ 2, nhưng ta dùng thể bị động vì chủ ngữ là heater (lò sưởi)



4. It's vital that the United States _____ on improving its public education system. What we do now will affect our country for generations to come.

- A focuses B focus
C focusing D To focus

Đáp án B

Dịch: Việc Mỹ tập trung vào phát triển hệ thống giáo dục công là rất cần thiết. cái mà chúng ta làm ngày hôm nay sẽ ảnh hưởng tới các thế hệ tương lai của đất nước chúng ta.

Câu này tương tự với câu 1(xem lại câu 1)

5. The monk insisted that the tourists _____ the temple until they had removed their shoes.

- A not entering B not to enter
C not enter D entered

Đáp án C

Dịch: Nhà sư kiên quyết rằng các vị khách du lịch không được bước vào ngôi đền cho đến khi đã cởi bỏ giày của họ ra.

6. I am not going to sit here and let her insult me. I demand that she immediately _____ for what she just said.

- A apologize B apologizing
C to apologize D apologized

Đáp án A

Dịch: Tôi sẽ không ngồi đây và để cho cô ta lăng mạ tôi. Tôi yêu cầu cô ta phải xin lỗi tôi ngay lập tức về những gì cô ta đã nói.

Trong câu giả định với động từ "demand", mệnh đề phải ở dạng giả định, bắt buộc có 'that' và động từ sau chủ ngữ 2 ở dạng nguyên thể bỏ 'to'

:

7. Tom asked that we _____ her graduation ceremony next week.

- A attended B to attend
C attend D attending

Đáp án C

Dịch: Tom đã mời chúng tôi tới tham dự lễ kỷ niệm tốt nghiệp của cô ấy vào tuần tới.

Trong câu giả định với động từ 'ask', mệnh đề phải ở dạng giả định, bắt buộc có 'that' và động từ sau chủ ngữ 2 ở dạng nguyên thể bỏ 'to'.

8. Was it really necessary that I _____ there watching you the entire time you were rehearsing for the play? It was really boring watching you repeat the scenes over and over again.

- A sits B am sitting
C be sitting D To sit

Đáp án C



Dịch: Việc tớ đang ngồi đây xem bạn diễn tập kịch có cần thiết không? Điều đó thực sự là buồn chán khi xem bạn lặp diễn đi diễn lại các cảnh.

Trong câu giả định, sau các tính từ 'necessary', mệnh đề phải ở dạng giả định, bắt buộc có 'that' và động từ sau chủ ngữ 2 ở dạng nguyên thể bỏ 'to'. Trong câu mệnh đề biểu thị tiếp diễn thì theo cấu trúc: 'it's+ adj+that+S2+be+Ving'

9. It is important to remember that Henry _____ very differently from you. She may not agree to the changes you have made in the organization of the company

A think

B to think

C thinks

D thinking

Đáp án C

Dịch: Henry suy nghĩ rất khác bạn là điều rất quan trọng cần phải nhớ. Cô ấy có thể sẽ không đồng ý thay đổi mà bạn đã thực hiện ở cơ cấu của công ty.

Trong câu giả định, trường hợp bỏ 'that' đi thì động từ theo sau trở về dạng nguyên thể có 'to' và trở về dạng mệnh lệnh thức gián tiếp, động từ chia theo chủ ngữ.

10. It's a little difficult to find the restaurant. I propose that we all _____ together so that nobody gets lost along the way.

A is driving

B drive

C to drive

D driven

Đáp án B

Dịch: có một chút khó khăn để tìm ra nhà hàng. Tôi đề xuất tất cả chúng ta lái xe cùng nhau để không ai bị lạc đường cả.

Trong câu giả định, sau động từ 'propose', mệnh đề phải ở dạng giả định, bắt buộc có 'that' và động từ sau chủ ngữ 2 ở dạng nguyên thể bỏ 'to'.

Bài 3

1. He appears to be running away from your fierce dog.

It looks as if he is running away from your fierce dog.

2. I would love to be rich and famous.

If only I were rich and famous.

3. I'd love to be in a secluded beach in Mexico.

I wish I were in a secluded beach in Mexico.

4. I really think you ought to acquire a few manners.

It's high time you acquired a few manners.

5. I'm really sorry I didn't invite her to the party.

I really wish I had invited her to the party.

6. Would you mind not smoking here?

I'd rather you didn't smoke here.

7. Please don't say things like that.

I wish you wouldn't say things like that.



Vững vàng nền tảng, Khai sáng tương lai

Website **HOC247** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm, giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh tiếng.

I. Luyện Thi Online

Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%

- **Luyện thi ĐH, THPT QG:** Đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh tiếng xây dựng các khóa **luyện thi THPTQG** các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.
- **Luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán:** Ôn thi **HSG lớp 9** và **luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán** các trường *PTNK, Chuyên HCM (LHP-TĐN-NTH-GĐ), Chuyên Phan Bội Châu Nghệ An* và các trường Chuyên khác cùng *TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Trịnh Thanh Đèo và Thầy Nguyễn Đức Tấn.*

II. Khoá Học Nâng Cao và HSG

Học Toán Online cùng Chuyên Gia

- **Toán Nâng Cao THCS:** Cung cấp chương trình Toán Nâng Cao, Toán Chuyên dành cho các em HS THCS lớp 6, 7, 8, 9 yêu thích môn Toán phát triển tư duy, nâng cao thành tích học tập ở trường và đạt điểm tốt ở các kỳ thi HSG.
- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học và Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: *TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn* cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.

III. Kênh học tập miễn phí

*HOC247 NET cộng đồng học tập miễn phí
HOC247 TV kênh Video bài giảng miễn phí*

- **HOC247 NET:** Website học miễn phí các bài học theo **chương trình SGK** từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn học với nội dung bài giảng chi tiết, sửa bài tập SGK, luyện tập trắc nghiệm miễn phí, kho tư liệu tham khảo phong phú và cộng đồng hỏi đáp sôi động nhất.
- **HOC247 TV:** Kênh **Youtube** cung cấp các Video bài giảng, chuyên đề, ôn tập, sửa bài tập, sửa đề thi miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn Toán- Lý - Hoá, Sinh- Sử - Địa, Ngữ Văn, Tin Học và Tiếng Anh.